

Số: 03 /KH-BCĐLNATTP

Gia Lai, ngày 08 tháng 4 năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2022**

*Thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác đảm bảo an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới;*

*Căn cứ Kế hoạch số 375/KH-BCĐTUATTP ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm về triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2022.*

Căn cứ tình hình thực tế công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại địa phương, Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh Gia Lai xây dựng Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2022 (sau đây gọi tắt là Tháng hành động) như sau:

**I. CHỦ ĐỀ “THÁNG HÀNH ĐỘNG” NĂM 2022**

Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến các địa phương, tạo được sự chuyển biến rõ rệt, đạt được những thành tích quan trọng trên các lĩnh vực. Thể chế quản lý được rà soát, bổ sung, hoàn thiện phù hợp với thông lệ quốc tế, tương thích với yêu cầu hội nhập.

Công tác quản lý an toàn thực phẩm đã thực hiện chuyển đổi mạnh sang quản lý rủi ro, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các địa phương đã tích cực thúc đẩy các vùng chuyên canh, sản xuất thực phẩm an toàn gắn với xây dựng bản đồ sản xuất nông sản thực phẩm an toàn và đăng ký chỉ dẫn địa lý sản phẩm... Tuy nhiên, lĩnh vực này vẫn còn không ít bất cập, nhất là xuất phát từ việc còn tồn tại số lượng rất lớn các hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ. Việc sản xuất nông sản thực phẩm còn manh mún nhỏ lẻ, chưa nhiều sản phẩm được áp dụng công nghệ cao trong sản xuất. Do vậy, trong thời gian tới ngành nông nghiệp cần tiếp tục triển khai xây dựng và phát triển mô hình chuỗi về sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát ATTP ngay từ các yếu tố đầu vào và liên kết sản xuất với tiêu thụ, phát triển chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn trên toàn quốc, đảm bảo nguồn cung thực phẩm chất lượng, an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Xác định công tác đảm bảo an toàn thực phẩm tại địa phương gắn bảo vệ sức khỏe người dân, quyền lợi người tiêu dùng... là nhiệm vụ liên tục, thường xuyên trong năm.

Tình hình dịch covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, Việt Nam cần nâng cao cảnh giác trong phòng chống dịch, đồng thời phải đảm bảo phát triển sản xuất, kinh doanh. Chính vì vậy để tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm, Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm Trung ương chọn chủ đề Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022 là: ***“Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng nông sản thực phẩm trong tình hình mới”***.

## II. MỤC TIÊU

1. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính xác, kịp thời, toàn diện, có trách nhiệm, trung thực các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm; tăng cường truyền thông quảng bá sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, an toàn. Đề cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm.

2. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm.

3. Nêu cao vai trò của chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý, tổ chức xã hội và sự giám sát của người tiêu dùng đối với việc tuân thủ pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Giải quyết kịp thời các sự cố mất ATTP củng cố niềm tin của người dân.

4. Tăng cường xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm và giảm thiểu ngộ độc do tiêu dùng thực phẩm không an toàn.

## III. THỜI GIAN VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

- Thời gian: Từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/5/2022.

- Phạm vi triển khai: Trên phạm vi toàn tỉnh.

## IV. CÁC HOẠT ĐỘNG

Ngoài các hoạt động thường xuyên về công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, “Tháng hành động” năm 2022 còn là điểm nhấn trong năm, tạo nên đợt cao điểm, phát động một chiến dịch truyền thông tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm; giảm thiểu các hành vi vi phạm trong sản xuất kinh doanh thực phẩm; chủ động phòng ngừa ô nhiễm thực phẩm, hạn chế tối đa ngộ độc thực phẩm, đặc biệt là các vụ ngộ độc thực phẩm nhiều người mắc do sử dụng sản phẩm thực phẩm không bảo đảm an toàn.

Gắn trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp để tập trung sự chỉ đạo và bố trí nguồn lực cho công tác an toàn thực phẩm; nâng cao hiệu quả sự phối hợp giữa chính quyền ở địa phương, giữa các cơ quan chức năng và các đoàn thể chính trị xã hội trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm; phát huy ý thức trách nhiệm với cộng đồng của cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng đối với công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

Với chủ đề chính của năm 2022 như đã nêu, các hoạt động chính được triển khai như sau:

**1. Triển khai chiến dịch truyền thông bảo đảm an toàn thực phẩm** (xem Phụ lục I kèm theo).

**2. Hoạt động thanh tra, kiểm tra liên ngành trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022** (xem Phụ lục II kèm theo).

Chú trọng công tác hậu kiểm thực hiện nghiêm túc, quyết liệt trong xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm. Yêu cầu các cơ quan, địa phương các cấp công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm trên các phương tiện thông tin, truyền thông. Báo cáo về UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh.

### **3. Công tác báo cáo tổng kết Tháng hành động**

Kết thúc Tháng hành động năm 2022, Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tuyến huyện và các Sở, Ban, ngành, đoàn thể liên quan, báo cáo kết quả hoạt động (theo Mẫu 1, 2 đính kèm) về cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh (thông qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh, địa chỉ: số 09 Duy Tân, phường Diên Hồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai; Điện thoại: (0269) 3827349; Email: [atvstp.syt@gialai.gov.vn](mailto:atvstp.syt@gialai.gov.vn)) trước ngày **20/5/2021** để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm.

## **V. NGUỒN LỰC**

### **1. Kinh phí**

- Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước;
- Kinh phí hỗ trợ của địa phương;
- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

### **2. Tài liệu**

- Đĩa tiếng, đĩa hình: Thông điệp của Tháng hành động năm 2022 (đăng tải trên Website của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Gia Lai, địa chỉ: <http://atvstp.gialai.gov.vn>).

- Các địa phương chủ động xây dựng tài liệu truyền thông cho địa phương dựa trên tài liệu tham khảo đăng trên trang điện tử của Cục An toàn thực phẩm (địa chỉ <http://vfa.gov.vn>) và của các đơn vị của các Bộ, Ngành liên quan (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương...); trang điện tử của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Gia Lai.

## **VI. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI**

### **1. Cơ quan chủ trì**

#### **1.1. Tuyến tỉnh:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh;
- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm - Sở Y tế (Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Gia Lai).

#### **1.2. Tuyến huyện:**

- Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm huyện, thị xã, thành phố.

1.3. Tuyển xã: Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm các xã, phường, thị trấn.

## **2. Cơ quan phối hợp**

Sở Công Thương, Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài Chính, Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai, Báo Gia Lai và các cơ quan có liên quan.

## **3. Các tổ chức, đoàn thể, quần chúng**

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hội Nông dân tỉnh; Tỉnh Đoàn; Hội Cựu chiến binh, Hội Tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp triển khai Tháng hành động.

## **VII. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN**

**1. Xây dựng kế hoạch Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022 và phân công tổ chức triển khai thực hiện.**

- Tuyển tỉnh: Trước ngày 10/4/2022.
- Tuyển huyện: Trước ngày 12/4/2022.
- Tuyển xã: Trước ngày 14/4/2022.

## **2. Triển khai chiến dịch tuyên truyền:**

Từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/5/2022.

## **3. Báo cáo, tổng kết:**

- Tuyển huyện: Trước ngày 20/5/2022.
- Tuyển tỉnh: Trước ngày 30/5/2022.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2022, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Sở Y tế để xử lý theo thẩm quyền, nếu vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh - Ban Chỉ đạo của tỉnh để xem xét, quyết định. / 

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- Đ/c Trưởng ban (để b/c);
- Thành viên BCĐLNATTP tỉnh;
- Sở Y tế;
- Chi cục ATVSTP tỉnh (t/h);
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: BCĐLNATTP.



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Nguyễn Thị Thanh Lịch**

## Phụ lục I

**Hướng dẫn triển khai công tác tuyên truyền**  
**“Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2022**  
(Kèm theo Kế hoạch số 03 /KH-BCĐLNATTP ngày 08 tháng 4 năm 2022)

### **I. CHỦ ĐỀ “THÁNG HÀNH ĐỘNG” NĂM 2022**

Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông với việc đẩy mạnh, tăng cường về số lượng, đa dạng hóa các hình thức truyền thông, thực hiện thường xuyên liên tục đã góp phần nâng cao nhận thức, hành động của các tổ chức, cá nhân đảm bảo ATTP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm được phân công quản lý; việc kết hợp giữa tuyên truyền mang tính chất khuyến khích, hướng dẫn với tuyên truyền mang tính răn đe đã phát huy hiệu quả công tác truyền thông về ATTP.

Các vùng chuyên canh, sản xuất thực phẩm an toàn gắn với xây dựng bản đồ sản xuất nông sản thực phẩm an toàn và đăng ký chỉ dẫn địa lý sản phẩm đang được thúc đẩy mạnh mẽ. Tuy nhiên, lĩnh vực này vẫn còn không ít bất cập, nhất là xuất phát từ việc còn tồn tại số lượng rất lớn các hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ. Do vậy, trong thời gian tới ngành Nông nghiệp cần tiếp tục triển khai xây dựng và phát triển mô hình chuỗi về sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát ATTP ngay từ các yếu tố đầu vào và liên kết sản xuất với tiêu thụ, phát triển chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn trên toàn quốc, đảm bảo nguồn cung thực phẩm chất lượng, an toàn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Chính vì vậy, để tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm và nâng cao nhận thức, kiến thức của người tiêu dùng trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm chọn chủ đề Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022 là:

**“Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng nông sản thực phẩm trong tình hình mới”.**

### **II. MỤC TIÊU**

1. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính xác, kịp thời, toàn diện, có trách nhiệm, trung thực các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm; tăng cường truyền thông quảng bá sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đảm bảo chất lượng, an toàn. Đề cao vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm.

2. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm. Nêu cao vai trò của chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý, tổ chức xã hội và sự giám sát của người tiêu dùng đối với việc tuân thủ pháp luật về an toàn thực phẩm đối với các cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Giải quyết kịp thời các sự cố mất ATTP cũng cố

niềm tin của người dân, giúp phát triển thị trường trong nước, xuất khẩu.

3. Tăng cường xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm và giảm thiểu ngộ độc do tiêu dùng thực phẩm không an toàn.

### **III. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN TRUYỀN THÔNG**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm;
2. Chính quyền các cấp, các cơ quan chức năng;
3. Người tiêu dùng thực phẩm.

### **IV. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG**

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tăng cường trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh truyền thông quảng bá các sản phẩm, các địa chỉ sản xuất kinh doanh nông nghiệp chất lượng, an toàn góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng nông sản thực phẩm.

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về các sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực địa phương theo chuỗi giá trị gắn với ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, đảm bảo ATTP cho tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Tiếp tục tuyên truyền Chương trình phối hợp giữa Chính phủ - Hội Nông dân Việt Nam – Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam “tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững giai đoạn 2021 -2025”; Đề án “Xây dựng và phát triển mô hình cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên phạm vi toàn quốc”; Chương trình về sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, kiểm soát ATTP ngay từ các yếu tố đầu vào và liên kết sản xuất với tiêu thụ, phát triển chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn trên toàn quốc.

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn bảo đảm an toàn điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ sơ chế, chế biến thực phẩm; vệ sinh cá nhân trong việc phòng ngừa ô nhiễm thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Tuyên truyền, phổ biến, vận động người tiêu dùng lựa chọn và sử dụng thực phẩm bảo đảm an toàn, nói không với thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng.

Đặc biệt tập trung tuyên truyền giáo dục đến các nhóm đối tượng ưu tiên, cụ thể như sau:

#### **1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm**

- Tuyên truyền, phổ biến, tăng cường nhận thức, làm rõ trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của pháp luật. Tuyên truyền, phổ biến triển khai kế hoạch thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh Covid-19; kết nối cung ứng tiêu thụ nông sản trong điều kiện phòng dịch Covid-19.

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định về điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị, dụng cụ trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

- Tuyên truyền sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng, đúng liều lượng, đúng đối tượng theo quy định trong sản xuất, chế biến thực phẩm, không sử dụng nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng, không an toàn.

- Tuyên truyền phổ biến các mô hình sản xuất, các vùng chuyên canh sản xuất, kinh doanh, các sản phẩm, chuỗi thực phẩm an toàn, các sản phẩm truyền thống của địa phương nhằm quảng bá, kích lệ sản xuất sản phẩm thực phẩm an toàn, mang đậm nét truyền thống, đặc sản địa phương gắn với xây dựng bản đồ sản xuất nông sản thực phẩm an toàn và đăng ký chỉ dẫn địa lý sản phẩm.

## **2. Chính quyền các cấp và các cơ quan chức năng:**

- Nêu cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp, người đứng đầu các đơn vị, cơ quan trong việc quản lý an toàn thực phẩm tại địa phương, cơ sở.

- Tuyên truyền phổ biến các sản phẩm, chuỗi thực phẩm an toàn, các sản phẩm truyền thống của địa phương nhằm quảng bá, kích lệ sản xuất sản phẩm thực phẩm an toàn, mang đậm nét truyền thống, đặc sản địa phương.

- Tăng cường công tác truyền thông trên môi trường trực tuyến nhằm hạn chế sự tập trung đông người; tăng cường hoạt động hỗ trợ truyền thông kết nối nhằm đẩy mạnh tiêu thụ thực phẩm an toàn tại thị trường trong nước.

- Đưa tin, tuyên truyền về các hoạt động thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm và công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn cả nước. Công khai các cơ sở, cá nhân bị phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm nhằm cảnh cáo, răn đe, ngăn chặn các hành vi sản xuất, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm trái pháp luật.

- Tuyên truyền các văn bản pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ, các văn bản liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm, các văn bản quy phạm pháp luật mới như:

+ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

+ Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ về quy định xử phạt hành chính về chăn nuôi;

+ Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

+ Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

+ Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo;

+ Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo;

+ Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

+ Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

+ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

+ Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

+ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

+ Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;

+ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

+ Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

+ Thông tư số 11/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành bảng mã số HS đối với danh mục hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu phải kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

+ Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

+ Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản;

+ Các văn bản pháp luật khác có liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương.

### **3. Người tiêu dùng thực phẩm**

- Cần tuyên truyền để người tiêu dùng hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong an toàn thực phẩm. Đặc biệt là quyền khiếu nại, trách nhiệm khai báo, tố giác các hành vi vi phạm an toàn thực phẩm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Hướng dẫn cách chọn mua, chế biến, bảo quản và tiêu dùng thực phẩm an toàn. Hướng dẫn cách đọc nhãn mác sản phẩm thực phẩm.

- Tuyên truyền để người tiêu dùng có thói quen từ chối các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm; không tiêu thụ những thực phẩm không rõ nguồn gốc, thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng, không an toàn hoặc có dấu hiệu ôi thiu, mốc, hỏng; khai báo khi bị ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Kịp thời công khai tên, địa chỉ các cơ sở, cá nhân vi phạm về an toàn thực phẩm; thông tin danh sách, địa chỉ sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

### **V. CÁC KÊNH TRUYỀN THÔNG**

- Kênh truyền thông đại chúng: Huy động đài phát thanh, truyền hình, báo chí dành nhiều thời gian, thời lượng phát sóng tuyên truyền về an toàn thực phẩm. Đặc biệt phát huy hệ thống đài truyền thanh ở thị trấn/xã/phường, khu phố để tập trung chuyển tải thông điệp Tháng hành động đến các nhóm đối tượng ưu tiên. Tổ chức tọa đàm, đối thoại trực tiếp trên truyền hình, truyền thanh về an toàn thực phẩm, phổ biến các nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm để nâng cao hiệu quả thực thi, đưa nội dung của văn bản quy phạm pháp luật vào cuộc sống.

- Kênh truyền thông trực tiếp: Tăng cường truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục, biên phòng, nông nghiệp phát triển nông thôn, các ban ngành, đoàn thể (như Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, lực lượng vũ trang, cộng tác viên y tế thôn, bản,...) với các hình thức dễ tiếp thu như hướng dẫn thực hành cụ thể theo nhóm, nói chuyện, hội thảo,...

- Các kênh truyền thông khác: Tùy từng địa phương, phong tục, tập quán, địa bàn dân cư triển khai các hình thức truyền thông phù hợp như băng rôn, khẩu hiệu, hướng dẫn cụ thể bằng hình ảnh trực quan; tuyên truyền qua mạng xã hội, internet.

Đặc biệt, cần huy động sự hưởng ứng tham gia của các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm và các tổ chức, đoàn thể bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cùng tham gia vào các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về các nội dung bảo đảm an toàn thực phẩm.

## **Phụ lục 2**

### **Hướng dẫn chi tiết triển khai kiểm tra liên ngành trong “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2022**

(Kèm theo Kế hoạch số 32/KH-BCĐLNATTP ngày 08 tháng 4 năm 2022  
của Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh Gia Lai)



Căn cứ yêu cầu công tác bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) tại địa phương và chủ đề Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022, Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm (BCĐLNATTP) tỉnh Gia Lai hướng dẫn chi tiết việc triển khai kiểm tra liên ngành trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý nhà nước về bảo đảm ATTP, việc triển khai Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022 của các cấp, các ngành từ tuyến huyện đến tuyến xã; việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Thông qua đợt kiểm tra, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những bất cập, yếu kém trong công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm, đồng thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thực phẩm.

### **2. Yêu cầu**

- Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề tồn tại trong quản lý, những vi phạm về bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh, quảng cáo thực phẩm.

- Trong quá trình kiểm tra kết hợp làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật về ATTP, nâng cao nhận thức và ý thức của cộng đồng trong công tác bảo đảm ATTP.

- Triển khai kiểm tra Tháng hành động vì ATTP năm 2022 bảo đảm đúng tiến độ theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo liên ngành trung ương về ATTP. Thông qua công tác kiểm tra, phối hợp tuyên truyền chính sách, pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG KIỂM TRA**

### **1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước**

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo đảm an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm trong tình hình mới; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 09/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục

tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP trong tình hình mới, bao gồm:

- + Trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc đảm bảo ATTP trên địa bàn quản lý ;
- + Việc tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo liên ngành ATTP các cấp;
- + Việc lập kế hoạch và triển khai Tháng hành động vì ATTP năm 2022;
- + Công tác chỉ đạo và triển khai các biện pháp bảo đảm ATTP tại địa phương;
- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và kiến thức về ATTP tại địa phương;
- Việc triển khai công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP.

BCĐLNATTP tuyến huyện xây dựng kế hoạch cụ thể và làm việc với BCĐLNATTP của tuyến xã để nắm bắt tình hình công tác bảo đảm ATTP tại địa phương, việc triển khai các biện pháp quản lý ATTP, triển khai Tháng hành động vì ATTP, ...

## 2. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm

Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định tại các văn bản:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP;
- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương;
- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/ 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 09/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/ 4/ 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hoá;

- Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/ 11/ 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quảng cáo; Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 20/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo;

- Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý thực phẩm chức năng;

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;

- Thông tư số 48/2015/TT-BYT ngày 01/12/2015 của Bộ Y tế quy định hoạt động kiểm tra ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 23/2018/TT-BYT ngày 14/9/2018 của Bộ Y tế quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư 18/2019/TT-BYT ngày 17/7/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hành sản xuất tốt (GMP) trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe ;

- Thông tư 25/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ Y tế quy định truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế ;

- Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế;

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn;

- Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn;

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý ATTP thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Các quy chuẩn kỹ thuật, quy định ATTP;

- Các văn bản của Chính phủ, của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương về bảo đảm an toàn thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### **Trong quá trình kiểm tra tập trung xem xét các nội dung:**

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (đối với những cơ sở thuộc diện phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP).
- Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn (đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ).
- Giấy chứng nhận sức khỏe, xác nhận kiến thức ATTP của chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
- Việc thực hiện các quy định về tự công bố sản phẩm/đăng ký bản công bố sản phẩm, trình tự công bố sản phẩm, phiếu kết quả kiểm nghiệm và các hồ sơ, tài liệu pháp lý quy định tại Chương II và Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.
- Nhãn sản phẩm thực phẩm đối với những sản phẩm thuộc diện phải ghi nhãn.
- Về quảng cáo đối với các nhóm thực phẩm phải đăng ký nội dung trước khi thực hiện quảng cáo quy định tại Điều 26 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.
- Điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh rượu, thực phẩm; điều kiện về trang thiết bị, dụng cụ, con người được quy định tại Luật ATTP và thông tư của các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương.
- Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành bộ câu hỏi kiểm tra, đáp án trả lời thực hiện kiểm tra để xác nhận đã được tập huấn kiến thức về ATTP cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP của Bộ Công Thương.
- Truy xuất nguồn gốc thực phẩm thực hiện theo quy định tại Chương XI Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.
- Lấy mẫu kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP theo quy định khi cần thiết.

### **III. XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **1. Các căn cứ để xử lý vi phạm**

- Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020;
- Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;
- Nghị định 124/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính

phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 24/01/2022 của Bộ Y tế hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm;

- Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động Khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử;

- Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định về hành vi, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo;

- Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/7/2017 của Chính phủ về kinh doanh Rượu;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Các văn bản quy phạm pháp luật và các nghị định khác quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

## **2. Thực hiện xử lý vi phạm**

Các đoàn kiểm tra khi phát hiện vi phạm phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật; tuyệt đối không để thực phẩm không bảo đảm ATTP được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra lưu thông trên thị trường. Xử lý nghiêm các đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về công bố, ghi nhãn, quảng cáo thực phẩm. Áp dụng các biện pháp đình chỉ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm quy định về ATTP, khắc phục hậu quả; tịch thu tang vật, thu hồi, tiêu hủy sản phẩm vi phạm về ATTP theo quy định của pháp luật.

Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về ATTP theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện công khai các tổ chức, cá nhân vi phạm trên các phương tiện thông tin, truyền thông. Báo cáo về UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh.

## **IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành**

**1.1. Đối với tuyến tỉnh:** Thành lập 01 Đoàn kiểm tra liên ngành gồm các thành viên sau:

- Sở Y tế;
- + Thanh tra Sở Y tế;
- + Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm;
- + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Sở Công thương tỉnh Gia Lai;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh.

Tiến hành kiểm tra trực tiếp tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh năm 2022.

### **1.2. Đối với tuyến huyện, xã**

Tùy theo tình hình thực tế tại địa phương, Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện/xã, chỉ đạo cơ quan thường trực thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành.

### **2. Lấy mẫu kiểm nghiệm**

- Việc lấy mẫu và chỉ định chỉ tiêu kiểm nghiệm do Trưởng đoàn quyết định căn cứ vào tình hình thực tế nguy cơ mất ATTP tại cơ sở được kiểm tra.
- Kinh phí cho việc mua mẫu và kiểm nghiệm mẫu do Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh chi trả, lấy từ kinh phí chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **3. Thời gian và phạm vi thực hiện**

- Từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/5/2022.
- Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn toàn tỉnh.

### **4. Chế độ báo cáo**

- Đoàn kiểm tra liên ngành trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2022 tuyến tỉnh báo cáo theo quy định.
- Tuyến huyện báo cáo kết quả kiểm tra về BCĐLNATTP tỉnh (bộ phận tổng hợp: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Gia Lai, địa chỉ: 09 Duy Tân, Tp. Pleik, tỉnh Gia Lai; ĐT: 0269 3827349; Email: atvstp.syt@gialai.gov.vn) để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về an toàn thực phẩm (theo Mẫu 1 đính kèm) trước ngày 20/5/2022.

### **V. KINH PHÍ**

**1. Đối với Đoàn tuyển tỉnh**

- Kinh phí từ chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, kinh phí của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Việc bảo đảm phương tiện đi lại của Đoàn kiểm tra và công tác phí của các thành viên tham gia Đoàn do Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Gia Lai chi trả theo quy định hiện hành.

**2. Đối với Đoàn tuyển huyện, xã**

Kinh phí và phương tiện bảo đảm cho công tác kiểm tra do địa phương quy định.

Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành./.

Đơn vị :.....

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày      tháng      năm 2022

**BÁO CÁO**  
**THÁNG HÀNH ĐỘNG VÌ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2022**

Kính gửi: .....

**I. Quản lý, chỉ đạo**

| TT | Nội dung hoạt động                                    | Tuyến xã (1)               |          | Tuyến huyện (2)                  |          | Tuyến tỉnh (3) |         | Cộng (1+2+3) |
|----|-------------------------------------------------------|----------------------------|----------|----------------------------------|----------|----------------|---------|--------------|
|    |                                                       | Số xã thực hiện/Tổng số xã | Số lượng | Số huyện thực hiện/Tổng số huyện | Số lượng | Số lượng       | Ghi chú |              |
| 1  | Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai THĐ (văn bản) |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 2  | Tổ chức Lễ phát động/Hội nghị triển khai              |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 3  | Tổ chức Hội nghị tổng kết THĐ                         |                            |          |                                  |          |                |         |              |

**II. Thông tin, truyền thông:**

| TT | Nội dung hoạt động                          | Tuyến xã (1)               |          | Tuyến huyện (2)                  |          | Tuyến tỉnh (3) |         | Cộng (1+2+3) |
|----|---------------------------------------------|----------------------------|----------|----------------------------------|----------|----------------|---------|--------------|
|    |                                             | Số xã thực hiện/Tổng số xã | Số lượng | Số huyện thực hiện/Tổng số huyện | Số lượng | Số lượng       | Ghi chú |              |
| 1  | Nói chuyện/Hội thảo (buổi/tổng số người dự) |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 2  | Tập huấn (Lớp/tổng số người dự)             |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 3  | Phát thanh loa, đài (tin, bài, phóng sự)    |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 4  | Truyền hình (Buổi/tọa đàm, phóng sự)        |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 5  | Báo viết (tin/bài/phóng sự)                 |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 6  | Băng rôn, khẩu hiệu                         |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 7  | Tranh áp – phích/Posters                    |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 8  | Tờ gấp, tờ rơi                              |                            |          |                                  |          |                |         |              |
| 9  | Hoạt động khác (ghi rõ):.....               |                            |          |                                  |          |                |         |              |

### III. Thanh tra, kiểm tra:

1. Số lượng: ..... đoàn: .....
2. Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra: .....
3. Kết quả chi tiết:

| TT  | Nội<br>dung                       | Tuyển xã          |          |            |            | Tuyển Huyện |                   |      |            | Tuyển Tỉnh |      |                   |      | Cộng<br>(1+2+3) |            |            |
|-----|-----------------------------------|-------------------|----------|------------|------------|-------------|-------------------|------|------------|------------|------|-------------------|------|-----------------|------------|------------|
|     |                                   | Sản<br>xuất<br>TP | KD<br>TP | KD<br>DVẤU | KD<br>TẮĐP | Cộng        | Sản<br>xuất<br>TP | KDTP | KD<br>DVẤU | KD<br>TẮĐP | Cộng | Sản<br>xuất<br>TP | KDTP |                 | KD<br>DVẤU | KD<br>TẮĐP |
| 1   | Tổng số cơ sở                     |                   |          |            |            |             |                   |      |            |            |      |                   |      |                 |            |            |
| 2   | Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra |                   |          |            |            |             |                   |      |            |            |      |                   |      |                 |            |            |
|     | Số CS đạt (SL)                    |                   |          |            |            |             |                   |      |            |            |      |                   |      |                 |            |            |
|     | Số CS vi phạm (SL)                |                   |          |            |            |             |                   |      |            |            |      |                   |      |                 |            |            |
| 3   | Xử lý vi phạm                     |                   |          |            |            |             |                   |      |            |            |      |                   |      |                 |            |            |
| 3.1 | Phạt tiền:                        |                   |          |            |            |             |                   |      |            |            |      |                   |      |                 |            |            |
|     | Số cơ sở                          |                   |          |            |            |             |                   |      |            |            |      |                   |      |                 |            |            |
|     | Tiền phạt (đồng)                  |                   |          |            |            |             |                   |      |            |            |      |                   |      |                 |            |            |
| 3.2 | Xử phạt                           |                   |          |            |            |             |                   |      |            |            |      |                   |      |                 |            |            |



[illegible]

[illegible]

#### IV. Kiểm nghiệm thực phẩm:

| TT                | Nội dung                             | Tuyến xã<br>(1) | Tuyến huyện<br>(2) | Tuyến tỉnh<br>(3) | Cộng<br>(1+2+3) |
|-------------------|--------------------------------------|-----------------|--------------------|-------------------|-----------------|
| 1                 | Xét nghiệm tại labo<br>(Tổng số mẫu) |                 |                    |                   |                 |
| 1.1               | Hóa lý<br>(Tổng số mẫu)              |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu đạt                           |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu không đạt                     |                 |                    |                   |                 |
| 1.2               | Vi sinh<br>(Tổng số mẫu)             |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu đạt                           |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu không đạt                     |                 |                    |                   |                 |
| 2                 | Xét nghiệm nhanh<br>(Tổng số mẫu)    |                 |                    |                   |                 |
| 2.1               | Hóa lý<br>(Tổng số mẫu)              |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu đạt                           |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu không đạt                     |                 |                    |                   |                 |
| 2.2               | Vi sinh<br>(Tổng số mẫu)             |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu đạt                           |                 |                    |                   |                 |
|                   | Số mẫu không đạt                     |                 |                    |                   |                 |
| <b>Tổng (1+2)</b> |                                      |                 |                    |                   |                 |

#### V. Ngộ độc thực phẩm

| TT   | Nội dung                       | Kết quả |           | So sánh năm<br>nay/năm trước |
|------|--------------------------------|---------|-----------|------------------------------|
|      |                                | năm nay | năm trước |                              |
| 1    | Số vụ                          |         |           |                              |
| 2    | Số mắc (người)                 |         |           |                              |
| 3    | Số tử vong (người)             |         |           |                              |
| 4    | Số vụ $\geq 30$ người mắc (vụ) |         |           |                              |
| 5    | Nguyên nhân (vụ)               |         |           |                              |
|      | - Vi sinh                      |         |           |                              |
|      | - Hóa học                      |         |           |                              |
|      | - Độc tố tự nhiên              |         |           |                              |
|      | - Không xác định               |         |           |                              |
| Cộng |                                |         |           |                              |

#### V. Các hoạt động khác (nếu có ghi cụ thể)

.....

.....

**VI. Đánh giá chung** (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng).

1. Thuận lợi:

.....  
.....

2. Khó khăn:

.....  
.....

3. Đề xuất, kiến nghị:

.....  
.....

**Nơi gửi:**

- Như trên;
- Lưu.

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
(Ký tên đóng dấu)

Đơn vị :.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., Ngày      tháng      năm

**BÁO CÁO**  
**Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm...**

Kính gửi: .....

**I. Ban hành văn bản, chỉ đạo triển khai**

| TT | Nội dung hoạt động                            | Có | Không |
|----|-----------------------------------------------|----|-------|
| 1  | Ban hành văn bản chỉ đạo triển khai (văn bản) |    |       |

**II. Thông tin, truyền thông, giáo dục**

| TT | Tên hoạt động             | Số lượng | Ghi chú |
|----|---------------------------|----------|---------|
| 1  | Nói chuyện/Hội thảo       |          |         |
| 2  | Tập huấn                  |          |         |
| 3  | Cuộc thi                  |          |         |
| 4  | In tài liệu, sách, sổ tay |          |         |
| 3  | Băng rôn, khẩu hiệu       |          |         |
| 4  | Tranh áp - phích          |          |         |
| 5  | Tờ gấp                    |          |         |
| 6  | Hoạt động khác (ghi rõ)   |          |         |

**II. Các hoạt động khác (nếu có ghi cụ thể)**

.....  
**III. Đánh giá chung** (Đề nghị nhận xét, đánh giá cụ thể theo số liệu thực tế tại các bảng).

1. Thuận lợi: .....
2. Khó khăn: .....
3. Đề xuất, kiến nghị: .....

Nơi gửi:  
- Như trên;  
- BCĐLN Trung ương ;  
- Lưu.

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
(Ký tên đóng dấu)